

Số: 41769 /CT-HTr
V/v giải đáp chính sách thuế

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng mỏ Incodemic.
Đ/c: Số 38 (số cũ 14A) Phố Bích Câu, P. Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP Hà Nội.
MST: 0100103390

Trả lời công văn số 48/CV-CTM ngày 06/05/2015 của Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng mỏ Incodemic (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 22 Điều 7 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN quy định về khoản thu nhập khác gồm:

“22. Thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài.

- Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài có thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại nước ngoài, thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Việt Nam, kể cả trường hợp doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập theo quy định của nước doanh nghiệp đầu tư. Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp để tính và kê khai thuế đối với các khoản thu nhập từ nước ngoài là 22% (từ ngày 01/01/2016 là 20%), không áp dụng mức thuế suất ưu đãi (nếu có) mà doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đang được hưởng theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

... ”

- Căn cứ Điều 48 Chương III Thông tư 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam quy định về biện pháp khấu trừ thuế như sau:

“Điều 48. Biện pháp khấu trừ thuế

Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam có thu nhập và đã nộp thuế tại Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam, nếu tại Hiệp định, Việt Nam cam kết thực hiện biện pháp khấu trừ thuế thì khi đối tượng cư trú này kê khai thuế thu nhập tại Việt Nam, các khoản thu nhập đó sẽ được tính vào thu nhập chịu thuế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam và số tiền thuế đã nộp ở Nước ký kết sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp tại Việt Nam. Việc khấu trừ thuế thực hiện theo các nguyên tắc dưới đây:

a) Thuế đã nộp ở Nước ký kết được khấu trừ là số thuế được quy định tại Hiệp định;

b) Số thuế được khấu trừ không vượt quá số thuế phải nộp tại Việt Nam tính trên thu nhập từ Nước ký kết theo quy định pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam nhưng cũng không được khấu trừ hoặc hoàn số thuế đã nộp cao hơn ở nước ngoài;

c) Số thuế đã nộp ở Nước ký kết được khấu trừ là số thuế phát sinh trong thời gian thuộc năm tính thuế tại Việt Nam.

... ”

- Căn cứ Khoản 4 Điều 44 Chương V Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định về thủ tục khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam như sau:

“Điều 44. Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế

...

4. Thủ tục khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam

Các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam đã nộp thuế tại Nước ký kết Hiệp định thuế với Việt Nam và số thuế đã nộp là đúng với quy định của luật nước ngoài và quy định của Hiệp định thì sẽ được khấu trừ số thuế đã nộp (hoặc được coi như đã nộp) tại Nước ký kết Hiệp định thuế với Việt Nam. Thủ tục khấu trừ thuế như sau:

a) Người nộp thuế gửi hồ sơ đề nghị khấu trừ số thuế đã nộp (hoặc được coi như đã nộp) tại nước ngoài vào số thuế phải nộp tại Việt Nam đến Cơ quan thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký nộp thuế. Hồ sơ gồm:

a.1) Giấy đề nghị khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam theo Hiệp định theo mẫu số 02/HTQT ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó cung cấp các thông tin về giao dịch liên quan đến số thuế nước ngoài đề nghị được khấu trừ vào số thuế phải nộp tại Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định.

Trường hợp người nộp thuế không thể cung cấp đủ các thông tin hoặc các tài liệu theo yêu cầu của điểm a khoản 4 Điều này đề nghị giải trình cụ thể tại Giấy đề nghị khấu trừ thuế này để cơ quan thuế xem xét, quyết định.

a.2) Các tài liệu khác tùy theo hình thức đề nghị khấu trừ. Cụ thể:

- Trường hợp khấu trừ trực tiếp

+ Bản chụp Tờ khai thuế thu nhập ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế;

+ Bản chụp chứng từ nộp thuế ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế;

+ Bản gốc xác nhận của Cơ quan thuế nước ngoài về số thuế đã nộp.

... ”

- Căn cứ Điều 16 Chương IV Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế sửa đổi Điều 12, Thông tư số 156/2013/TT-BTC như sau:

“ Điều 12. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp

...

3. Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

...

b) Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

b.1) Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này.

...

b.3) Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và Thông tư này (tùy theo thực tế phát sinh của người nộp thuế):

....

- Các Phụ lục về ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

...

- Phụ lục số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế theo mẫu số 03-4/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

...

- Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư ở nước ngoài, ngoài các hồ sơ nêu trên, doanh nghiệp phải bổ sung các hồ sơ, tài liệu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thuế thu nhập doanh nghiệp.”

- Căn cứ mẫu Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Điều 18 Mục 2 Chương III Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng quy định về đối tượng và trường hợp được hoàn thuế GTGT.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp ngày 16/01/2014, Liên danh Incodemic-Ceco-K-uTec ký kết hợp đồng số 11/HĐ-VLCS với Công ty TNHH Hóa chất và muối mỏ Việt Lào về việc thực hiện gói thầu số 01 – Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khai thác và chế biến muối mỏ tại huyện Nongbok, tỉnh Khammouan và huyện Xaibuoli, tỉnh Savannakhet, CHDCND Lào thì:

- Phần thu nhập mà Công ty nhận được từ hợp đồng trên công ty phải thực hiện kê khai, tính vào thu nhập chịu thuế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam. Đối với số tiền thuế TNDN phát sinh của hợp đồng này Công ty đã nộp tại Lào thì sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp tại

Việt Nam theo nguyên tắc quy định tại Điều 48 Chương III Thông tư 205/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính nêu trên.

- Thủ tục để khấu trừ số thuế đã nộp tại Lào, Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 44 Chương V Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Đối với số thuế TNDN đã nộp tại Lào được trừ trong kỳ tính thuế thì Công ty thực hiện kê khai vào Phụ lục 03-4/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và thể hiện tại mã chỉ tiêu C13 trên Tờ khai quyết toán thuế TNDN (mẫu số 03/TNDN) ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Toàn bộ các khoản thu nhập phát sinh tại Lào sẽ được tính vào thu nhập chịu thuế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế ở Việt Nam.

- Đối với số thuế GTGT của hợp đồng mà Công ty đã nộp tại Lào không thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT theo quy định tại Điều 18 Mục 2 Chương III Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng mở Incodemic được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra 3;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, HTr(2)


**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**
Mai Sơn